TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2020.
V/v: "Không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Tài
2. Ông Tô Đình Trị

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, về việc: "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Y, sinh năm: 1992

- Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc C, sinh năm: 1989

Cùng trú tại: Khu phố 8, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Chị Y có mặt, anh C đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị Y trình bày:

Chị và anh Huỳnh Ngọc C tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của người Việt Nam nhưng chị và anh C không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân là do vợ chồng chị không hợp tính tình, thường xuyên cải vả nhau. Anh C không lo làm ăn, chơi bời với bạn bè , không lo cho gia đình mà còn gây khó dễ cho chị. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng kh ông còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống chung không

hạnh phúc nên chị Yến yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh Huỳnh Ngọc C không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Y khai vợ chồng chị không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị Y khai sau khi cưới vợ chồng chị được hai bên gia đình và bạn bè cho được số tiền 66.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K. Số tiền và vàng do anh C đang cất giữ. Trước đây chị Y có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau đó chị Y không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung: Chị Y khai vợ chồng không nợ ai.

* Bị đơn anh Huỳnh Ngọc C không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của nguyên đơn chị Mai Thị Y. Đề nghị tuyên chị Y và anh C không phải là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình yêu cầu không công nhận vợ chồng là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Huỳnh Ngọc C cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Huỳnh Ngọc C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tống đạt đến người nhà của bị đơn, niêm yết tại nhà bị đơn và tại UBND thị trấn Hà Lam, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị Y và anh Huỳnh Ngọc C. Chị Y và anh C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, tuy chị Y và anh C có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Tại thời

điểm đó chị Y và anh C đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 nhưng không đăng ký là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, hôn nhân của chị Y và anh C là hôn nhân không hợp pháp. Theo chị Y thì sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân là do vợ chồng chị không hợp tính tình, thường xuyên cải vả nhau. Anh C không lo làm ăn, chơi bời với bạn bè, không lo cho gia đình mà còn gây khó dễ cho chị. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị Y yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh Huỳnh Ngọc C không phải là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận chị Mai Thị Y và anh Huỳnh Ngọc C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Y khai vợ chồng chị và anh C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị Y khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mai Thị Y phải chịu số tiền: 300.000(Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp theo biên lại thu số 0005315 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[7] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 9; Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Mai Thị Y, không công nhận chị Mai Thị Y và anh Huỳnh Ngọc C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Chị Y và anh C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị Y khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mai Thị Y phải chịu số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000(Ba trăm ngàn) đồng. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp theo biên lại thu số 0005315 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND thị trấn H;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành